**HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN TẬP CHỦ ĐỀ 8**

**PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án**

Câu 1. Trong quá trình nuôi tôm 3 giai đoạn, số bữa cho ăn trong ngày (tần suất cho ăn) thay đổi như thế nào?

A. Giống nhau ở tất cả các giai đoạn nuôi.

B. Tăng dần từ giai đoạn 1 đến giai đoạn 3.

C. Giảm dần từ giai đoạn 1 đến giai đoạn 3.

D. Giống nhau ở giai đoạn 1 và 2, giai đoạn 3 tăng thêm.

Câu 2. Độ mặn phù hợp cho bãi nuôi nghêu Bến Tre là khoảng bao nhiêu?

A. Từ 5 đến 10%.

B. Trên 40%.

C. Từ 25 đến 35%.

D. Từ 15 đến 25%.

Câu 3. Bệnh đốm trắng gây chết tỉ lệ cao trên tôm sú và tôm thẻ chân trắng có nguyên nhân là do

A. một loại virus gây ra.

B. một loại nấm gây ra.

C. một loại kí sinh trùng.

D. một loại vi khuẩn gây ra.

Câu 4. Ao nuôi tôm sú thâm canh có diện tích 600 m, độ sâu 1,2 m. Ao nuôi xuất hiện bệnh đốm trắng, tôm chết hàng loạt. Kĩ thuật viên cần xử lí khử trùng bằng chlorine dạng bột cho ao trước khi thải ra ngoài, liều lượng xử lí là 50 mg/L. Vậy kĩ thuật viên cần sử dụng bao nhiêu chlorine cho ao?

A. 36 g.

B. 50 kg.

C. 36 kg.

D. 50 g.

Câu 5. Trong quá trình chuẩn bị nước trước khi thả giống tôm, công việc “Tiến hành diệt rong, ấu trùng hàu, hà bằng TCCA với nồng độ 5 mg/L và chlorine với nồng độ 15 mg/L” thuộc bước xử lí nào?

A. Lắng lọc.

B. Khử trùng, diệt tạp.

C. Bổ sung chế phẩm vi sinh.

D. Gây màu nước.

Câu 6. Khi nuôi cá rô phi thương phẩm trong lồng bè, cá thường được cho ăn mấy lần trong một ngày?

A. 8 lần.

B. 4 lần.

C. 6 lần.

D. 2 lần.

Cầu 7. Nghêu thương phẩm có thể thu hoạch sau khi nuôi bao lâu?

A. Sau 1 đến 2 tháng tuổi.

B. Sau 12 đến 20 tháng tuổi.

C. Sau 12 đến 20 tháng tuổi.

D. Sau 12 đến 20 tháng tuổi.

Câu 8. Giả sử, gia đình em có 20 lồng nuôi cá với kích thước mỗi lồng là 3 m × 3 m × 3 m, phần lồng nổi trên mặt nước là 0,5 m. Nếu thả cá rô phi đơn tỉnh với mật độ 40 con/m thì cần bao nhiêu con giống?

A. 1 800 con.

B. 8000 con.

C. 18 000 con.

D. 180 000 con.

Câu 9. Loại thức ăn nào thường được sử dụng cho cá rô phi nuôi lồng?

A. Thức ăn công nghiệp viên nổi.

B. Thức ăn công nghiệp viên chìm.

C. Thức ăn tự chế dạng bánh ẩm.

D. Các loại cá tạp giá rẻ.

Câu 10. Cá rô phi giống với đặc điểm này sau đây thì không nên chọn mua?

A. Cá không dị hình.

B. Cá có kích cỡ đồng đều.

C. Cá không bị xây sát.

D. Cá bơi yếu, một số con tách đàn.

Căn 11. Điều này sau đầy không nằm trong quy định về người quản lí cơ sở nuôi

thay san theo tiêu chuẩn VietGAP.

A. Có kiến thức về nuôi thuỷ sản.

B. Có độ tuổi từ 35 trở lên.

C. Được tập huấn về an toàn thực phẩm trong thuỷ sản.

D. Được tập huấn về VietGAP.

Câu 12. Quy trình nuôi thuỷ sản theo tiêu chuẩn VietGAP gồm có bao nhiêu bước?

A. 5 bước.

B. 6 bước.

C. 7 bước.

D. 8 bước.

Câu 13. Sử dụng công nghệ biofloc trong nuôi tôm thẻ chân trắng giúp giảm lượng thức ăn công nghiệp sử dụng do

A. dễ quản lí lượng thức ăn đưa vào nên ít bị thừa.

B. tôm ít vận động nên không tiêu thụ nhiều thức ăn.

C. tôm bị stress nên ăn ít.

D. tôm có thể sử dụng hạt floc làm thức ăn.

Câu 14. Trong quá trình quản lí hệ thống nuôi biofloc, người nuôi thường bổ sung rỉ mật đường vào bể nuôi nhằm mục đích gì?

A. Duy trì độ mặn phù hợp.

B. Tăng hàm lượng oxygen hoà tan.

C. Tạo tỉ lệ C:N phù hợp.

D. Duy trì độ pH phù hợp.

Câu 15. Trong công nghệ biofloc, tác nhân chính giúp xử lí chất thải trong quá trình nuôi là

A. các bể nuôi rong, thực vật thuỷ sinh bậc cao nhận nước thái từ bề nuôi.

B. các nhóm vi sinh vật phát triển trên bề mặt giá thể đặt trong bề xử lí tách khỏi bề nuôi.

C. các nhóm vi sinh vật phát triển mật độ cao ngay trong nước nuôi.

D. các hệ thống lọc thô, lọc tinh lắp đặt đồng bộ với bề muối.

Câu 16. Tại Việt Nam, công nghệ nuôi tuần hoàn thường được áp dụng phổ biến nhất ở hệ thống sản xuất nào sau đây?

A. Nuôi thương phẩm cá nước ngọt.

B. Trồng rong biển.

C. Sản xuất giống tôm, cá biển.

D. Nuôi thương phẩm nghêu.

Câu 17. Tác dụng của công nghệ nano oxygen khi kết hợp trong công nghệ nuôi tuần hoàn là

A. xử lí chất thải vô cơ dạng hoà tan.

B. lọc chất thải rắn thô và chất thải rắn tinh.

C. xử lí chất thải hữu cơ dạng hoà tan.

D. tăng hàm lượng oxygen trong nước và tiêu diệt mầm bệnh.

Câu 18. Trong hệ thống lọc sinh học, vi sinh vật sinh sống và phát triển ở đâu để xử lí nước thải từ bể nuôi?

A. Trên bề mặt giá thể đặt trong bể lọc.

B. Trong nước của ngăn lọc sinh học.

C. Trong tầng không khí của ngăn lọc.

D. Trên bề mặt các cạnh, vách của ngăn lọc.

Câu 19. Tác dụng chủ yếu của hệ thống lọc sinh học trong công nghệ nuôi tuần hoàn là xử lí

A. vi sinh vật gây bệnh.

B. chất thủ vẫn kịch có lớn.

C. chất thải rắn kính có trung bình

D. chất thải dạng hoà tan.

Câu 20. Trong hệ thống nuôi thủy sản tuần hoàn, bộ phận nào có chức năng gom và loại bỏ chất thải rắn có kích thước lớn ngay sau bể lọc?

A. Lọc cơ học.

B. Đèn UV

C. Lọc sinh học

D. Nano oxygen.

Câu 21. Đầu không phải là ưu điểm của công nghệ nuôi thuỷ sản tuần hoàn?

A Chi phi đầu tư thấp, tiết kiệm năng lượng, vận hành đơn giản.

B. Tạo dòng chảy liên tục, kích thích cá lớn nhanh.

C. Nuôi được với mật độ cao, tăng hiệu quả sử dụng thức ăn.

D. Chất lượng nước tốt, hàm lượng oxygen hoà tan cao.

Câu 22. Nuôi thuỷ sản tuần hoàn là gì?

A. Hệ thống trong đó sản phẩm nuôi sau thu hoạch được tái sử dụng vào quá trình sản xuất vụ sau.

B. Hệ thống nuôi trong đó nước thải từ bề nuôi được xử lí để tái sử dụng thông qua hệ thống bơm, lọc tuần hoàn.

C. Hệ thống trong đó có áp dụng các công nghệ tự động hoá để quá trình sản xuất được thông suốt liên tục.

D. Hệ thống sản xuất khép kín, trong đó bao gồm quá trình nuôi, chế biến và tiêu thụ sản phẩm trong cùng một trại.

Câu 23. Phương pháp chế biến thuỷ sản nào sau đây sử dụng vi sinh lên men?

A. Chế biến fillet.

B. Chế biến tôm chua.

C. Đóng hộp.

D. Sản xuất surim.

Câu 24. Quy trình chế biến nước mắm có các bước chính sau:

(1) Lựa chọn và chuẩn bị nguyên liệu (cá, muối,

(2) Ủ chượp.

(3) Rút mấn

(4) Đóng chai.

Thứ tự đúng của các bước trong quy trình trên là

A. (4), (2), (3), (1).

B. (3), (1), (2), (4).

C. (2), (3), (1), (4).

D. (1), (2), (3), (4).

Câu 25. Trong các phương pháp bảo quản sản phẩm thuỷ sản sau đây, phương pháp nào có thời hạn bảo quản dài nhất?

A. Bảo quản trong nước đá lạnh.

B. Làm khô.

C. Ướp muối.

D. Bảo quản trong điều kiện mát.

**PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý A, B, C, D ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.**

Câu 1. Một học sinh mô tả hoạt động chuẩn bị bãi nuôi nghêu như sau: “đóng cọc, vây lưới, vệ sinh khử trùng bãi nuôi bằng hoá chất có tính oxy hoá cao. Sau 2 đến 3 ngày bón chế phẩm vi sinh tạo hệ vi sinh có lợi; thu gom đá sỏi, cành cây, làm tơi xốp mặt bãi trước khi thả nghêu”

Có các nhận định sau:

A. Đóng cọc, vây lưới bãi nuôi nghêu là đúng cách.

B. Vệ sinh, khử trùng bãi nuôi nghêu bằng hoá chất, bón chế phẩm sinh học sau 2, 3 ngày là đúng cách theo quy trình nuôi các đối tượng thuỷ sản khác.

C. Làm tơi xốp mặt bãi trước khi thả nghêu là không cần thiết.

D. Thu dọn đá sỏi, cành cây khu nuôi là cần thiết.

Câu 2. Nhóm học sinh được giao nhiệm vụ tìm hiểu và thuyết trình về nuôi thuỷ sản theo tiêu chuẩn VietGAP, liên quan đến lựa chọn địa điểm cho cơ sở nuôi, học sinh trong nhóm đưa ra một số ý kiến sau:

A. Nằm ở những khu vực ít bị ảnh hưởng hoặc có nguy cơ thấp bởi các mối nguy gây mất an toàn thực phẩm.

B. Nằm trong hoặc ngoài phạm vi các khu bảo tồn quốc gia và quốc tế.

C. Nằm trong hoặc ngoài phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn đất ngập nước và khu bảo tồn biển.

D. Có đủ yêu cầu pháp lí về quyền sử dụng đất, mặt nước.

Câu 3. Nhóm học sinh được giao nhiệm vụ tìm hiểu và thuyết trình nội dung xây dựng cơ sở hạ tầng của cơ sở nuôi thuỷ sản theo tiêu chuẩn VietGAP, học sinh trong nhóm đưa ra một số ý kiến sau:

A. Có hệ thống nước cấp, nước thải riêng biệt.

B. Có nơi chứa và xử lí nước thải, bùn thải từ ao nuôi.

C. Bố trí hệ thống chứa và xử lí nước thải, chất thải sinh hoạt chung với hệ thống xử lí chất thải từ ao nuôi.

D. Bố trí nơi chứa rác thải nguy hại riêng biệt với nơi chứa, xử lí thuy sản chết; tách biệt với khu nuôi trồng và không làm ảnh hưởng đến môi trường.

Câu 4. Nhóm học sinh được giao nhiệm vụ tìm hiểu và thuyết trình về nuôi thuỷ sản theo tiêu chuẩn VietGAP, liên quan đến lựa chọn con nhóm đưa ra một số ý kiến sau:

A. Con giống phải nằm trong Danh mục các loài thuỷ sản được phépkinh doanh.

B. Con giống phải đảm bảo chất lượng và được kiểm dịch theo quy định.

C. Không sử dụng con giống biến đổi gene.

D. Sử dụng con giống khai thác từ bãi đẻ, khu vực di cư sinh sản.

Câu 5. Nhóm học sinh được giao nhiệm vụ tìm hiểu và thuyết trình về nuôi thuỷ sản theo tiêu chuẩn VietGAP, liên quan đến quản lí dịch bệnh, học sinh trong nhóm đưa ra một số ý kiến sau:

A. Phải thực hiện cách li, ngăn chặn sự lây lan dịch bệnh giữa các ao nuôi và từ ao nuôi ra bên ngoài.

B. Sử dụng thuốc thú y thuỷ sản nằm trong Danh mục thuốc được lưu hành theo phác đồ của cán bộ chuyên môn.

C. Không cần thường xuyên ghi chép diễn biến dịch bệnh trong trại nuôi.

D. Thu hoạch sản phẩm ngay sau khi sử dụng thuốc thú y thuỷ sản, kháng sinh để điều trị bệnh.

Câu 6. Có các ý kiến nhận xét sau về công nghệ nuôi thuỷ sản tuần hoàn:

A. Công nghệ nuôi tuần hoàn giúp nuôi với mật độ cao, tăng năng suất nuôi.

B. Công nghệ nuôi tuần hoàn có mức độ an toàn sinh học cao, tiết kiệm nước.

C. Công nghệ nuôi tuần hoàn có chi phí lắp đặt và vận hành thấp.

D. Công nghệ nuôi tuần hoàn hiện đang được áp dụng rộng rãi trong các giai đoạn sản xuất giống và nuôi thương phẩm các loài tôm, cá nước ngọt, nước lợ, mặn ở Việt Nam.

Câu 7. Có các ý kiến nhận định về công nghệ biofloc như sau:

A. Công nghệ nuôi có mức độ an toàn sinh học cao, ngăn ngừa sự xâm nhập của mầm bệnh.

B. Giảm chi phí thức ăn, nâng cao hiệu quả nuôi.

C. Quá trình quản lí và vận hành đơn giản, chi phí thấp.

D. Phù hợp để nuôi hầu hết các đối tượng thuỷ sản.

Câu 8. Khi được giao nhiệm vụ thuyết trình về ứng dụng vi sinh vật trong xử lí môi trường nuôi thuỷ sản. Trước khi báo cáo, nhóm học sinh đã thống nhất một số nội dung cốt lõi đưa vào phần kết luận. Sau đây là một số ý kiến:

A. Vì sinh vật dị dưỡng có khả năng phân huỷ chất hữu cơ, một số nhóm thường được ứng dụng trong xử lí môi trường nuôi thuỷ sản như Nitrosomonas và Nitrobacter.

B. Vi khuẩn khuẩn quang hoá tự dưỡng có tác dụng chuyển hoá ammonia thành nitrate, thường sử dụng là Lactobacillus, Bacillus, nấm men Saccharomyces.

C. Vi sinh vật thưởng được ứng dụng theo hướng tạo chế phẩm sinh học bón xuống ao hoặc trong công nghệ biofloc hoặc lọc sinh học.

D. Ngoài tác dụng xử lí môi trường, các nhóm vi khuẩn có lợi cũng có khả năng ức chế và tiêu diệt vi khuẩn vi khuẩn có hại.

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

https://www.vnteach.com